

THÔNG BÁO SỐ 88
Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang đến sáng ngày 18/03/2024

Stt	Vị trí điểm đo	Độ mặn cao nhất (gam/lít)	So với ngày trước (gam/lít)	So với cùng kỳ năm 2023	So với cùng kỳ năm 2016
I Trên Sông Tiền					
1	Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)	7,12	tăng 0,17 g/l	cao hơn 6,39 g/l	cao hơn 4,17 g/l
2	Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)	5,70	giảm 0,37 g/l	cao hơn 5,14 g/l	cao hơn 3,38 g/l
3	Công Viên Lạc Hồng (phường 1, thành phố Mỹ Tho)	4,98	giảm 0,64 g/l	cao hơn 4,53 g/l	cao hơn 3,08 g/l
4	Cầu Trường Chính Trị (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)	3,57	giảm 0,33 g/l	cao hơn 3,41 g/l	cao hơn 2,06 g/l
5	Cầu Xoài Hột (xã Bình Đức, huyện Châu Thành)	2,98	giảm 0,02 g/l	cao hơn 2,98 g/l	cao hơn 1,48 g/l
6	Cầu Kinh Xáng (xã Song Thuận, huyện Châu Thành)	2,20	giảm 0,2 g/l	cao hơn 2,2 g/l	cao hơn 0,86 g/l
7	Cầu Kim Sơn (xã Kim Sơn, huyện Châu Thành)	1,36	giảm 0,2 g/l	cao hơn 1,36 g/l	cao hơn 0,16 g/l
8	Cầu Phú Phong (xã Phú Phong, huyện Châu Thành)	0,89	giảm 0,13 g/l	cao hơn 0,89 g/l	thấp hơn 0,28 g/l
9	Phà Tam Bình (Xã Tam Bình, Huyện Cai Lậy)	0,15	giảm 0,1 g/l	cao hơn 0,15 g/l	thấp hơn 0,65 g/l
10	Vàm Ba Rài (Xã Hội Xuân, Huyện Cai Lậy)	0,01	giảm 0,04 g/l	cao hơn 0,01 g/l	thấp hơn 0,19 g/l
11	Vàm Cái Bè (Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè)	0,00	tương đương	tương đương	tương đương
12	Phà Thới Lộc (Xã Ngũ Hiệp, Huyện Cai Lậy)	0,05	giảm 0,04 g/l	cao hơn 0,05 g/l	thấp hơn 0,15 g/l
II Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo					
1	Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)	13,46	giảm 0,48 g/l	cao hơn 9,76 g/l	cao hơn 1,06 g/l
2	Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)	10,10	giảm 0,9 g/l	cao hơn 9,4 g/l	thấp hơn 3,5 g/l
3	Bến Đò Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)	6,30	tăng 1,2 g/l	cao hơn 5,55 g/l	thấp hơn 3,3 g/l

III Trên Sông Hàm Luông					
1	Mỹ Hóa Phường 7, TP Bến Tre (45km) Cách sông Tiền 29km	6,70	giảm 0,3 g/l	cao hơn 2,6 g/l	thấp hơn 0,5 g/l
2	An Hiệp Xã An Hiệp, Châu Thành, Bến Tre (55km) Cách sông Tiền 19km	5,20	tăng 0,4 g/l	cao hơn 2,9 g/l	cao hơn 0,1 g/l
3	Vàm Môn Phú Sơn, Chợ lách, Bến Tre (65km) Cách sông Tiền 9km	2,40	giảm 0,2 g/l	cao hơn 2,0 g/l	thấp hơn 0,6 g/l
4	Hòa Nghĩa Bến phà Tân Phú (72km) Cách sông Tiền 2km	0,60	tương đương	cao hơn 0,6 g/l	cao hơn 0,2 g/l
5	Trạm Chợ Lách (trên sông Tiền) Cách cửa Hàm Luông - sông Tiền 3km	0,20	tương đương	cao hơn 0,2 g/l	thấp hơn 0,7 g/l
IV Trên Sông Vàm Cỏ Tây:					
1	Tân An Cầu Tân An, TP Tân An (75km)	3,80	tăng 0,1 g/l	cao hơn 3,3 g/l	tương đương

- Dự án ngọt hóa Gò Công:

- + Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ -0,68 đến -0,66 mét.

- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:

- + Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ -0,44 đến -0,43 mét.

- Dự án Bảo Định:

- + Cống Gò Cát, Bảo Định, Xoài Hột đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,29 đến +0,36 mét.

- Các cống trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1): cống Nguyễn Tấn Thành, Cầu Cống, Rạch Gầm, Phú Phong, Cây Còng, Hai Tân, Mù U, Cái Sơn, Chùa 1 đóng.

- Dự án Đông Ba Rài:

- + Cống Bàu Điền, Vàm Tắc II, Ông Tùng, Vàm Tắc I vận hành xả nước. Các cống còn lại vận hành tự do.

- Dự án Tây Ba Rài:

+ Cống Giồng Tre 2, Cái Lá, Kháng Chiến vận hành xả nước. Cống Cầu Kênh đóng. Các cống còn lại vận hành tự do.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG;
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TX Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang;
- Lưu VT.

**TL.TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thịnh